



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ  
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2023  
& KẾ HOẠCH NĂM 2024**



## **Phần I: Tổng quan nền kinh tế và ngành bánh kẹo Việt Nam**

### **1. Tổng quan nền kinh tế Việt Nam 2023.**

Kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2023 đạt tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2023 ước = 430 tỷ USD tăng 5.05% so với năm 2022. GDP bình quân đầu người ước tính đạt ~ 4.284 USD tăng 140 USD so với năm 2022.

### **2. Phân tích chung của ngành bánh kẹo Việt Nam.**

#### **2.1 Tổng sản lượng và tiềm năng thị trường.**

Trong những năm qua, ngành bánh kẹo Việt Nam có tốc độ tăng trưởng khá ổn định với mức tăng trưởng bình quân 7-10/năm. Tổng sản lượng bánh kẹo của Việt Nam trong năm 2023 dự kiến đạt gần 400.000 tấn và Doanh thu ước đạt gần 42.000 tỷ đồng, giảm hơn so với năm 2022 do ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế.

Ngành bánh kẹo Việt những năm gần đây được đánh giá tăng trưởng chậm lại trong các năm trở lại đây, tốc độ tăng trưởng của ngành này đạt khoảng 7-8%, thay vì 12-18% trong giai đoạn 2005-2015. Tuy nhiên, trong con mắt các nhà đầu tư ngoại, thị trường gần 100 triệu dân của Việt Nam vẫn đầy hấp dẫn, bởi so với tốc độ tăng trưởng trung bình ngành bánh kẹo trên thế giới khoảng 1,5% - 3% và riêng Đông Nam Á là 3% (theo thống kê của CTCK Vietinbank), thì mức tăng trưởng của bánh kẹo Việt Nam vẫn cao và hấp dẫn.

#### **2.2. Cơ cấu thị phần chung của ngành bánh kẹo Việt Nam.**

Hiện nay thị phần bánh kẹo Việt Nam rơi vào chủ yếu các Cty sản xuất trong nước lớn như..(Kính đô, Bibica, Hữu nghị, Hải Hà, Phạm Nguyên, Hải châu, Richy, Tràng An...) và các Công ty nước ngoài sản xuất tại Việt Nam như ( Mayora, Mondelez, Orion, Nabati, Oishi...)

Doanh thu ngành bánh kẹo Việt Nam ước đạt khoảng gần 42 nghìn tỉ năm 2023 với sản lượng ước khoảng xấp xỉ 400.000 tấn .

Doanh thu Công ty Cổ phần Tràng An năm 2023 đạt 230 tỷ, chiếm tỉ lệ khoảng 0.6 - 1%, rất nhỏ trên thị trường bánh kẹo.

### **3. Đánh giá chung về ngành bánh kẹo Việt Nam trong năm 2022-2023.**

Nền kinh tế Việt Nam sẽ tiếp đà tăng trưởng trong những năm tiếp theo. Cùng với đà tăng trưởng chung của nền kinh tế, ngành bánh kẹo Việt Nam sẽ chuyển mình mạnh mẽ để đáp ứng xu thế chung của người tiêu dùng.

Dù thị trường rất lớn, tuy nhiên đơn vị dẫn đầu hiện nay Kido-Mondelez cũng chỉ chiếm 20% thị phần, đơn vị kế tiếp là Bibica 8%; , hay nói cách khác tổng các công ty có thương hiệu lớn tại VN chỉ chiếm 40 - 42% , còn lại là các Công ty ngoại và nhập khẩu và sản xuất nhỏ lẻ khác.

Về cơ cấu sản phẩm: Các sản phẩm Bánh quy, cookies, crackers có giá trị đạt 7000-8000 tỷ đồng, chiếm 40%-42% trong tổng sản lượng bánh kẹo.

Trong bảng cơ cấu các sản phẩm của ngành bánh kẹo Việt Nam, mỗi một công ty đều có thế mạnh riêng. Kinh Đô Mondelez rất mạnh ở mảng bánh quy, cracker, bánh tươi, trong khi đó Hữu Nghị lại thiên về bánh tươi, cookies, Hải Hà lại thiên về kẹo, Bibica thiên về bánh cake, Snack thuộc về Orion, Pepsi, Oishi. Còn với Tràng An, thế mạnh là các sản phẩm bánh pháp, bánh quế và bánh mì. Dựa theo các thế mạnh hiện có, Tràng An có thể phát triển các sản phẩm xung quanh hoặc đầu tư vào những mảng thị trường ngách để gia tăng doanh thu và củng cố thị phần.

## Phần II: Báo cáo hoạt động kết quả SXKD 2023 và & Đánh giá hiện trạng năm 2023

### 1. Báo cáo KQ SXKD 2023

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023		Biến động so với (tỷ lệ %)	
				Kế hoạch năm 2023	TH năm 2023	Cùng kỳ năm 2022	Kế hoạch năm
				[4]		[8]	[9]
<b>A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh</b>							
<b>1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu</b>	<b>Tấn</b>	<b>2,833</b>	<b>3,294</b>	<b>3,350</b>	<b>2,544</b>	<b>77%</b>	<b>76%</b>
- Bánh các loại	Tấn	2,245	2,447	2,500	1,807	74%	72%
- Kẹo các loại	Tấn	588	847	850	737	87%	87%
<b>2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu</b>	<b>Tấn</b>	<b>2,838</b>	<b>3,153</b>	<b>3,190</b>	<b>2,634</b>	<b>84%</b>	<b>83%</b>
- Bánh các loại	Tấn	2,255	2,329	2,350	1,887	81%	80%
- Kẹo các loại	Tấn	583	824	840	747	91%	89%
<b>3. Tồn kho cuối kỳ</b>	<b>Tấn</b>	<b>37</b>	<b>167</b>	<b>104</b>	<b>51</b>	<b>31%</b>	<b>49%</b>
- Bánh các loại	Tấn	26	134	80	33	25%	41%
- Kẹo các loại	Tấn	11.5	33	24	18	55%	75%
<b>B. Chỉ tiêu tài chính</b>							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	triệu đồng	227,733	280,561	284,322	229,045	82%	81%
1.1 Doanh thu bán hàng hóa	triệu đồng	125	181	0	244	134%	0%
1.2 Doanh thu bán thành phẩm	triệu đồng	224,160	275,982	281,243	225,636	82%	80%
1.3 Doanh thu cung cấp dịch vụ	triệu đồng	3,448	4,397	3,079	3,165	72%	103%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	triệu đồng	22,926	29,865	21,752	16,421	55%	75%
2.1 Giảm giá hàng bán	triệu đồng		0	0	0		0%
2.2 Hàng bán bị trả lại	triệu đồng	6,001	5,131	3,088	3,205	62%	104%
2.3 Chiết khấu thương mại	triệu đồng	16,926	24,734	18,664	13,216	53%	71%
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	triệu đồng	204,806	250,695	262,570	212,625	85%	81%
4. Giá vốn hàng bán	triệu đồng	184,120	220,245	232,192	185,149	84%	80%
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	triệu đồng	20,686	30,450	30,378	27,475	90%	90%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	triệu đồng	741	1,072	800	2,250	210%	281%
7. Chi phí tài chính	triệu đồng	2,445	2,460	2,554	2,259	92%	88%

8. Chi phí bán hàng	triệu đồng	2,524	3,334	2,856	3,281	98%	115%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	triệu đồng	7,036	9,117	8,262	9,265	102%	112%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	triệu đồng	9,423	16,612	17,506	14,920	90%	85%
10. Thu nhập khác	triệu đồng	1,500	1,660	1,500	1,561	94%	104%
11. Chi phí khác	triệu đồng	295	293	204	279	95%	137%
12. Lợi nhuận khác	triệu đồng	1,205	1,367	1,296	1,282	94%	99%
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	triệu đồng	10,628	17,979	18,802	16,202	90%	86%
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	triệu đồng	2,128	3,470	3,760	2,851	82%	76%
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	triệu đồng		0	0	0		0%
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	triệu đồng	8,500	14,551	15,042	13,352	92%	89%
17 Trích lập Các quỹ	triệu đồng	510	1,268	752	935	74%	124%
17.1 Quỹ Đầu tư phát triển	triệu đồng		0	0	0		0%
17.2 Quỹ Khen thưởng phúc lợi	triệu đồng	510	1,268	902	935	74%	104%
Lợi nhuận còn lại sau khi trích quỹ	triệu đồng	7,990	13,283	14,290	12,417	93%	87%
Tỷ lệ dự kiến cổ tức	%	30%	55%	55%	55%	100%	100%
Lợi nhuận để lại	triệu đồng	1,330	1,073	2,080	207	19%	10%
Nộp ngân sách	tr.đồng	11,896	11,465	12,300	11,550	101%	94%
Tổng vốn đầu tư	tr.đồng	0	0		0		0%
Tổng số lao động	người	323	296	300	290	98%	97%
Tổng quỹ Lương TB/tháng	tr.đồng	2,955	3,218	3,240	2,816	88%	87%
Thu nhập bình quân CNV	tr.đồng/người	9.15	10.87	10.80	9.71	89%	90%

### Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh

#### • **Khó khăn:**

- + **Nguyên nhân khách quan:** Sau khủng hoảng Nga vs Ucraina đã tác động tiêu cực đến toàn bộ thế giới cũng như Việt Nam nó đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến giá cả hàng hoá NVL đầu vào tăng cao, dẫn đến lạm phát và suy thoái kinh tế ngoài ra sự cạnh tranh trong ngành bánh kẹo ngày càng lớn, các doanh nghiệp nước ngoài và trong nước đều có lợi thế về công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý và triển khai hệ thống phân phối chuyên nghiệp, xúc tiến quảng bá mạnh trên tất cả các phương tiện truyền thông. Vì vậy đó đang là thách thức lớn cho Trảng An.
- + **Nguyên nhân chủ quan:** Máy móc thiết bị tại Trảng An chủ yếu là máy móc thiết bị của Trung Quốc đã lỗi thời, công nghệ lạc hậu, hoạt động đã lâu dẫn đến năng suất của người lao động thấp, tỷ lệ sản phẩm lỗi hỏng nhiều, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng cao. Việc máy móc thiết bị không đồng bộ dẫn đến việc sử dụng lao động thủ công và chi phí cao.
- + **Vốn điều lệ của Công ty quá thấp, chi phí lãi vay cao cũng ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh.**

- **Thuận lợi:**
  - + Công ty cổ phần Tràng An là một doanh nghiệp có truyền thống với nhiều năm xây dựng và phát triển, và hiện là một trong những Công ty có thương hiệu mạnh trên thị trường Miền Bắc trong ngành Sản xuất kinh doanh bánh kẹo.
  - + Qua từng năm, Hệ thống quản lý chất lượng càng được hoàn thiện và chuyên nghiệp hơn, nhờ đó đáp ứng được nhu cầu của khách hàng về chất lượng sản phẩm.
  - + CBCNV là những người có trình độ, kinh nghiệm và có tâm huyết với công việc, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.
- **Bài học kinh nghiệm:**
  - + Thay vì đẩy mạnh quảng cáo, truyền thông như các doanh nghiệp lớn trước tiên Tràng An nên chú trọng vào ổn định chất lượng sản phẩm cũng như quy mô sản xuất. Khi chất lượng sản phẩm và quy mô sản xuất đủ đáp ứng nhu cầu thị trường thì việc quảng bá thương hiệu sẽ tiếp cận được nhiều người tiêu dùng cũng như tốn ít chi phí hơn trong việc tiếp thị.
  - + Đầu tư nâng cấp máy móc, thiết bị giúp giảm chi phí sản xuất cũng như nâng cao năng suất, đa dạng danh mục sản phẩm để tung ra thị trường từ đó mới có thể duy trì và phát triển.

## **2. Báo cáo đánh giá tóm tắt các hoạt động SXKD năm 2023**

Các công việc thực hiện trong năm 2023.

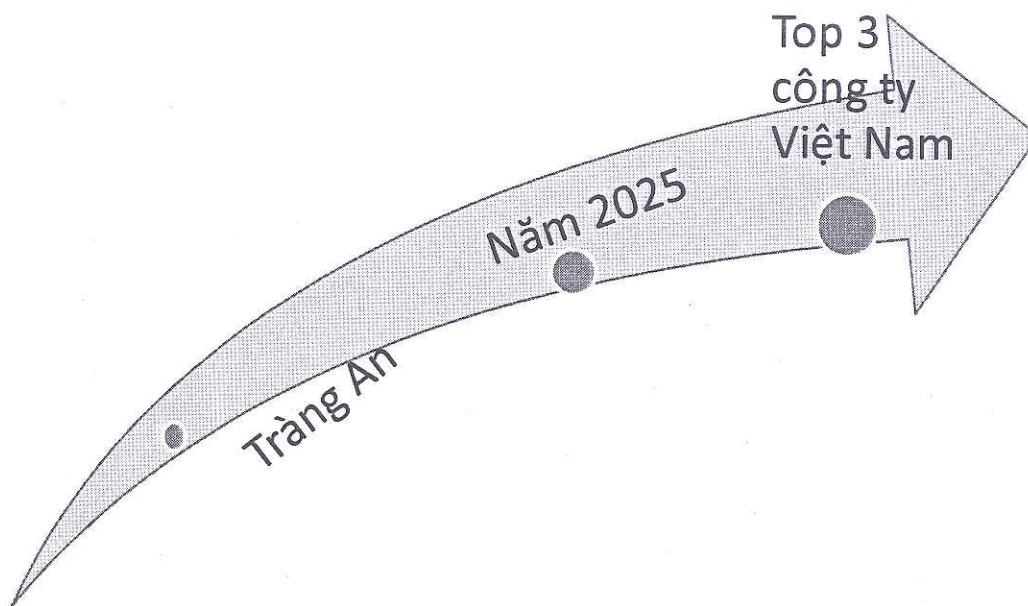
- Doanh thu thuần SXKD năm 2023 ước đạt 229(tỷ) đạt 81% so với KH và = 82% so với cùng kì.
- Giá vốn hàng bán bằng 80% so với KH năm và =84% so với cùng kì .
- Lợi nhuận sau thuế đạt 13.3 tỉ và bằng 89% theo KH và tăng 92% so với cùng kì.

## **Phần III: Tầm nhìn, mục tiêu giai đoạn 2024 - 2028 & KHSX kinh doanh năm 2024.**

### **1. Tầm nhìn và mục tiêu giai đoạn 2023 - 2028.**

**1.1 Đến năm 2028 Tràng An đứng vào top 3 các Công ty bánh kẹo nội tại Việt Nam.**

**1.2 Doanh số Tràng An chiếm khoảng từ 10 – 15% thị phần bánh kẹo nội tại Việt Nam.**



## 2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	So sánh KH 2024/ TH 2023	So sánh KH 2024/ TH 2022
<b>A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh</b>						
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu		3,294	2,544	2,865	113%	87%
- Bánh các loại	Tấn	2,447	1,807	2,035	113%	83%
- Kẹo các loại	Tấn	847	737	830	113%	98%
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu		3,153	2,634	2,846	108%	90%
- Bánh các loại	Tấn	2,329	1,887	2,030	108%	87%
- Kẹo các loại	Tấn	824	747	816	109%	99%
3. Tồn kho cuối kỳ		167	51	104	204%	62%
- Bánh các loại	Tấn	134	33	80	242%	60%
- Kẹo các loại	Tấn	33	18	24	133%	73%
<b>B. Chỉ tiêu tài chính</b>						
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	triệu đồng	280,561	229,045	236,589	103%	84%
1.1 Doanh thu bán hàng hóa	triệu đồng	181	244	0		0%
1.2 Doanh thu bán thành phẩm	triệu đồng	275,982	225,636	233,511	103%	85%
1.3 Doanh thu cung cấp dịch vụ	triệu đồng	4,397	3,165	3,079	97%	70%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	triệu đồng	29,865	16,421	19,472	119%	65%
2.1 Giảm giá hàng bán	triệu đồng	0	0	0		
2.2 Hàng bán bị trả lại	triệu đồng	5,131	3,205	2,464	77%	48%
2.3 Chiết khấu thương mại	triệu đồng	24,734	13,216	17,008	129%	69%
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	triệu đồng	250,695	212,625	217,117	102%	87%

4. Giá vốn hàng bán	triệu đồng	220,245	185,149	192,632	104%	87%
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	triệu đồng	30,450	27,475	24,485	89%	80%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	triệu đồng	1,072	2,250	1,600	71%	149%
7. Chi phí tài chính	triệu đồng	2,460	2,259	2,564	113%	104%
8. Chi phí bán hàng	triệu đồng	3,334	3,281	3,114	95%	93%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	triệu đồng	9,117	9,265	9,040	98%	99%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	triệu đồng	16,612	14,920	11,368	76%	68%
10. Thu nhập khác	triệu đồng	1,660	1,561	1,500	96%	90%
11. Chi phí khác	triệu đồng	293	279	300	107%	102%
12. Lợi nhuận khác	triệu đồng	1,367	1,282	1,200	94%	88%
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	triệu đồng	17,979	16,202	12,568	78%	70%
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	triệu đồng	3,470	2,851	2,514	88%	72%
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	triệu đồng	0	0	0		
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	triệu đồng	14,551	13,352	10,054	75%	69%
17 Trích lập Các quỹ	triệu đồng	1,268	935	503	54%	40%
17.1 Quỹ Đầu tư phát triển	triệu đồng	0	0	0		
17.2 Quỹ Khen thưởng phúc lợi	triệu đồng	1,268	935	603	65%	48%
Lợi nhuận còn lại sau khi trích quỹ	triệu đồng	13,283	12,417	9,551	77%	72%
Tỷ lệ dự kiến cổ tức	%	55%	55%	40%	73%	73%
Lợi nhuận để lại	triệu đồng	1,073	207	671	324%	63%
Nợ ngân sách	tr.đồng	11,465	11,550	11,500	100%	100%
Tổng vốn đầu tư	tr.đồng	0	0			
Tổng số lao động	người	296	290	285	98%	96%
Tổng quỹ Lương TB/tháng	tr.đồng	3,218	2,816	2,980	106%	93%
Thu nhập bình quân CNV	tr.đồng/người	10.87	9.71	10.46	108%	96%

**Mục tiêu KHKD năm 2024 như sau:**

- Doanh thu thuần đạt 236 Tỷ tăng 103% so với thực hiện năm 2023 .
- Lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 10.3 Tỷ = 75% so với thực hiện năm 2023
- Thu nhập bình quân CBCNV: 10.4 triệu/người/tháng tăng 108% so với cùng kì .

**3. Kế hoạch hành động năm 2024.**

Mục	Mục tiêu & KHHD	Giá trị	% hoàn thành KH
I	Sản xuất.		
1	- Về sản xuất : . - Lập KHSX & điều độ sản xuất đúng tiến độ, đáp ứng kịp thời đầy đủ nhu cầu thị trường - Tiếp tục rà soát định mức lao động các dây chuyền cho phù hợp với sự đổi mới năm 2023.	Sản lượng: 2.865(tấn)	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích sử dụng vật tư đúng tiến độ, đảm bảo chính xác, hiệu quả.</li> <li>- NVL cho sản xuất, đáp ứng đầy đủ và cố gắng giữ giá thành đầu vào so với năm 2023.</li> <li>- Rà soát, tận dụng những vật tư chậm luân chuyển SX bán ở Quầy GTSP.</li> <li>- Tìm kiếm thêm NCC mới để có giá cạnh tranh....</li> <li>- Cải tiến đổi mới quy trình, thay thế thiết bị, tiết kiệm chi phí.</li> </ul>		
<b>II</b>	<b>Marketing, tiếp thị, truyền thông, nhận diện, phát triển thương hiệu.</b>		
1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kế hoạch hoạt động quảng bá, quảng cáo để xây dựng thương hiệu, hình ảnh nhận diện trên các phương tiện thông tin đại chúng.</li> <li>- Tham gia các hội trợ xuân nhằm quảng bá và giới thiệu SP, thương hiệu đến đông đảo NTD.</li> </ul>		
<b>III.</b>	<b>Chính sách bán hàng, khuyến mại và phát triển thị trường, hệ thống kênh, mạng lưới phân phối, bán hàng.</b>		
1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay đổi phương pháp đối với việc thu hồi hàng vụ trung thu, hàng tết tiết kiệm các chi phí do phải hủy hàng</li> <li>- Phối hợp với bên TM tung ra các CTKM hợp lý nhằm thúc đẩy doanh thu các tháng trong năm 2024.</li> <li>- Kiểm soát hiệu quả chi phí bán hàng, chi phí chi trả khuyến mại cho người tiêu dùng</li> </ul>		
<b>IV</b>	<b>Nghiên cứu phát triển sản phẩm/ dịch vụ mới</b>		
1	Duy trì và tiếp tục cải tiến nhân bánh trung thu ngon hơn.	Tăng được doanh thu.	
<b>V</b>	<b>Kho, vận, logistics.</b>		
1	Đảm bảo xuất nhập hàng hóa và cho thuê kho	Dự kiến 2.865 tấn bánh kẹo.	
2	Kiểm soát vật tư nguyên liệu chậm luân chuyển.		
3	Kiểm soát thành phẩm chậm luân chuyển		
4	Tiếp tục tìm kiếm thêm đối tác mới về việc cho thuê kho.		



<b>VI</b>	<b>Đầu tư, thay thế, sửa chữa thiết bị nhà xưởng, máy móc, công cụ dụng cụ...</b>		
1	KHSC, thay thế thiết bị DC kẹp	299.500.000	
2	KHSC, thiết bị DC bánh 1 KHSC, thiết bị DC bánh 2	1.494.000.000 206.000.000	
3	KHSC, thiết bị Dc bánh 3	337.000.000	
4	Phụ trợ + khác	460.000.000	
5	Tổng Kế hoạch năm	<b>2.796.500.000</b>	
6	Dự phòng	<b>703.500.000</b>	
	Tổng	<b>3.500.000.000</b>	
<b>VII</b>	<b>Hệ thống quản trị (Quy chế, quy trình, tiêu chuẩn, phần mềm quản trị...)</b>		
1	Công ty có đầy đủ hệ thống các quy trình, hướng dẫn thực hiện các nghiệp vụ trong sản xuất và kinh doanh.		
2	Hệ thống quản lý chất lượng ISO 22000:2018	ISO 22000:2018	Đã được đánh giá cấp chứng nhận, đang áp dụng, duy trì nhằm kiểm soát hệ thống
3	Hệ thống quản lý sản xuất tinh gọn – Lean 5S	Là công nghệ quản trị sản xuất tinh gọn nhằm liên tục phát hiện loại bỏ lãng phí trong quá trình sản xuất kinh doanh, cải tiến năng suất, chất lượng.	Đã được chứng nhận, hiện đang duy trì kiểm soát định kỳ
<b>VIII</b>	<b>Nhân sự, tuyển dụng, đào tạo.</b>		
1	-Nhân sự khối quản lý: Hoàn thiện bộ máy quản lý và các phòng ban. - Công tác bố trí, sử dụng lao động: - Lao động trực tiếp: Bố trí theo Kế hoạch sản xuất phù hợp với từng dây chuyền và theo định mức lao động, hưởng lương theo hình thức khoán sản phẩm. - Khối quản lý, lao động gián tiếp: Định biên theo mục tiêu công việc, bố trí làm việc căn cứ kế		

	hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, lương bao gồm lương cơ bản và thưởng hiệu quả công việc.		
2	Tuyển dụng: Tuyển dụng đầy đủ, kịp thời đáp ứng được yêu cầu theo KHSXKD của Công ty.		
3	Đào tạo: -Đào tạo đại cương, đào tạo công nghệ cho Công nhân công nghệ. - Huấn luyện An toàn Lao động cho Công nhân nhóm IV. - Huấn luyện An toàn thực phẩm cho Công nhân công nghệ - Đào tạo hệ thống quản lý chất lượng ISO 22000:2018 và đánh giá giám sát định kỳ. - Đào tạo bên ngoài: Đào tạo cho đội ngũ cán bộ quản lý theo chuyên môn và nhu cầu của từng đơn vị.		
<b>IX</b>	<b>Chính sách, lương thưởng.</b>		
1	- Trích nộp các khoản có liên quan đến người lao động: 100% Người lao động được tham gia BHXH: Công ty trích nộp đầy đủ các khoản liên quan đến NLĐ. - Khối trực tiếp: Lương bao gồm lương khoán sản phẩm theo Định mức Lao động và lương mục tiêu xét vào cuối tháng căn cứ các tiêu chí được quy định tại Quy chế khen thưởng. - Khối gián tiếp: Lương bao gồm Lương Cơ bản + Lương mục tiêu. - Công ty đang áp dụng chế độ Lương mục tiêu quý, năm với Người lao động trên kết quả bình xét hàng tháng. - Thưởng các dịp Lễ, Tết: Quốc tế Lao động, Quốc khánh, trung thu. - Thăm hỏi ốm đau, trợ cấp, hiếu với NLĐ: Thực hiện đầy đủ kịp thời theo Quy chế. - Lên KH rà soát, sửa đổi và xây dựng các chính sách nhân sự, các qui trình, quy định quy chế liên quan đến công tác nhân sự phù hợp.		

X	<b>Tài chính kế toán.</b>		
1	Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, được cục thuế Hà Nội đề nghị tặng giấy khen.		
2	Khả năng thanh toán năm 2023 đã được cải thiện nhiều so với các năm trước.		
XI	<b>Hành chính.</b>		
1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lễ tân khánh tiết: Thực hiện công tác lễ tân, trực tổng đài điện thoại, fax, đặt vé tàu, vé máy bay... cho CBNV công tác. Tổ chức đón tiếp khách đến thăm quan, làm việc tại Công ty</li> <li>- Văn thư lưu trữ: Soạn thảo văn bản, quản lý công văn, thư từ, tài liệu đến – đi: tiếp nhận, vào sổ, cấp phát công văn đến cho các bộ phận liên quan, lưu giữ các công văn, tài liệu chung của Công ty, chuyên phát, công chứng... Quản lý hồ sơ pháp lý, con dấu, chữ ký của Công ty;</li> </ul>		
2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý Văn phòng và điều phối phương tiện: Quản lý công tác sửa chữa, bố trí, sử dụng văn phòng, nhà xưởng, phòng lãnh đạo, phòng họp. Điều phối phương tiện đưa đón khách và CBNV;</li> <li>- Quản lý và giám sát việc sử dụng tài sản, trang thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, công cụ lao động và các dịch vụ khối VP phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty;</li> <li>- Giám sát thực hiện việc duy tu, bảo dưỡng các tài sản, trang thiết bị, máy móc văn phòng;</li> <li>- Quản lý và giám sát công tác an ninh, an toàn, sắp xếp, vệ sinh văn phòng, khu vực làm việc, bảo vệ, VSMT, ngoại cảnh.</li> </ul>		

Trên đây là Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty Cổ phần Tràng An. Kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2024 xem xét, thông qua.

*Trân trọng./.*



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Đỗ Ngọc Khanh*

